

1823/

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08/26

Group G14
Round 5
Board 1

WHITE Nicolas, Nika Julius										FED PHI	RESULT (W) 0
BLACK Li, Peishan										FED CHN	RESULT (B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Qa2	exf2	41	Ng2	Qd5	61		
2	Nc3	Nc6	22	Rxf3	Rc	42	Kf3	g5	62		
3	Nf3	f5	23	Rc1	Nc4	43			63		
4	g3	Nf6	24	Bc1	Rd8	44			64		
5	Bg2	g6	25	Kf2	Nxg5	45			65		
6	d4	e4	26	Bxg5	Rxc5	46			66		
7	Ng1	d5	27	Rc3	Rxc5	47			67		
8	Cxd5	Nxg5	28	Qx1	Rc3	48			68		
9	Q3	Bg2	29	Rxc3	Qa2	49			69		
10	e3	Nxg5	30	Kf3	Qxg3	50			70		
11	bxc3	Bc1	31	Ng3	Qd	51			71		
12	Ne2	Bc4	32	Kc2	h6	52			72		
13	Nf4	Bg6	33	Nc6	Kf7	53			73		
14	h4	Qd7	34	Nc5	Kf6	54			74		
15	Nh3	Rd8	35	Nd3	Q5	55			75		
16	Bd2	O-O	36	Rc5	Q4	56			76		
17	Bf1	Qd5	37	Nc4	a3	57			77		
18	Rc2	Rf6	38	Kf3	b5	58			78		
19	O-O	Ng5	39	Rc2	c5	59			79		
20	F3	Bxg2	40	dxc5	bxc5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Nic			Li Peishan			Jim					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29

Group G14
Round 5
Board 1

WHITE Nicolas, Nika Julius										FED PHI	RESULT (W) 0
BLACK Li, Peishan										FED CHN	RESULT (B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4.	e5	21	Qe2.	ef.	41	Nal.	Qd5	61		
2	Nc3.	Nc6.	22	Rf3	Reb	42	Kf3.	g5	62		
3	Nf3.	f5	23	Pe1	Nd4	43			63		
4	g3.	Nf6	24	Re1	Rde8	44			64		
5	Bg2.	g6	25	Kf3.	Nc3	45			65		
6	d4	e4	26	Re3	Re3	46			66		
7	Ng1	d5	27	Re3	Pe3	47			67		
8	Cd4	Nd5	28	Re3.	Pe3	48			68		
9	a3	Bg2	29	Pe3	Re2	49			69		
10	e3	Nc3	30	Kf3.	Qa3	50			70		
11	bc.	Reb	31	Ng5	Qd6	51			71		
12	Ne2.	Bc4	32	Ke2	h6	52			72		
13	Nf4	Bh6	33	Nc6	Kf7	53			73		
14	h4	Qd7	34	Nc5	Kf6	54			74		
15	Nh3	Rd8	35	Nd3	Q5	55			75		
16	Bd2	O-O	36	Rc5	Q4	56			76		
17	Bf1	Qd5	37	Nc4	a3	57			77		
18	Rc2	Rf6	38	Kf3	b6	58			78		
19	O-O	Ng5	39	Re2	c5	59			79		
20	f3	Re2	40	Re.	bc.	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Nic			Li Peishan			Jim					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
08.24Group
G14
Round
5
Board
2

WHITE Egshiglen Bayasgalan						FED MGL		RESULT (W) 1			
BLACK Dawn Chavi Alisha Egbert						FED INA		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	fg	g6	41			61		
2	c4	e6	22	h4	Bf8	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Rd3	Rb8	43			63		
4	g3	c6	24	h5	gh	44			64		
5	Bg2	Bd6	25	Rh3	Bg7	45			65		
6	O-O	Nbd7	26	c5	bc	46			66		
7	b3	O-O	27	dc	Qe7	47			67		
8	Bb2	Re8	28	Rh5	Qc4	48			68		
9	Nc3	b6	29	Kh1	Bb2	49			69		
10	Nd2	Bb7	30	Qb2	e5	50			70		
11	e4	de	31	Rh8	Rg7	51			71		
12	Nde4	Nex4	32	Rh7	Rg8	52			72		
13	Nex4	Be7	33	Rf8		53			73		
14	Qc2	Nf6	34			54			74		
15	Rcd1	Nex4	35			55			75		
16	Be4	h6	36			56			76		
17	f4	Bf6	37			57			77		
18	Qg2	Qc7	38			58			78		
19	g4	Be7	39			59			79		
20	g5	hg	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Egshiglen.			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
24/08/26Group
G14
Round
5
Board
2

WHITE Egshiglen Bayasgalan						FED MGL		RESULT (W) 1			
BLACK Dawn Chavi Alisha Egbert						FED INA		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	fxg5	g6	41			61		
2	c4	e6	22	h4	Bf8	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Rd3	Rab8	43			63		
4	g3	c6	24	h5	gxh5	44			64		
5	Bg2	Bd6	25	Rb3	Bg7	45			65		
6	O-O	Nbd7	26	c5	bxcs	46			66		
7	b3	Qc7	27	dxcs	Qe7	47			67		
8	Bb2	Re8	28	Rxh5	Qxc5	48			68		
9	Nc3	b6	29	Kh1	Bxb2	49			69		
10	Nd2	Bb7	30	Qxb2	e5	50			70		
11	e4	dxcs	31	Rh8	kg7	51			71		
12	Ndxcs	Nxcs	32	Rh7	kg8	52			72		
13	Nxcs	Be7	33	Rxf8		53			73		
14	Qc2	Nf6	34			54			74		
15	Rad1	Nxcs	35			55			75		
16	Bxc4	h6	36			56			76		
17	f4	Bf6	37			57			77		
18	Qg2	Qc7	38			58			78		
19	g4	Be7	39			59			79		
20	g5	hxcs	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Egshiglen.			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.24

Group

G/4

Round

5

Board

3

WHITE Tong, Yiyi						FED CHN						RESULT (W) 1					
BLACK Wang, Leyi						FED CHN						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	g4	21	Ke3	g5	41			61								
2	c4	g6	22	Nh3	g6	42			62								
3	cd	g4	23	Nh4	g7	43			63								
4	Bf4	g6	24	Kd2	g7	44			64								
5	e3	g6	25	Rhe1	g6	45			65								
6	Bd3	g6	26	Nd7	g5	46			66								
7	Nc3	Bf4	27	Nh6	Bd5	47			67								
8	f3	Bh5	28	Nh5		48			68								
9	Qb3	Nd5	29			49			69								
10	Qa4	B5	30			50			70								
11	Bh5	g6	31			51			71								
12	Nh5	g7	32			52			72								
13	Nd7	Kd8	33			53			73								
14	Qd7	Nd7	34			54			74								
15	Nd8	Nd4	35			55			75								
16	b3	Nd6	36			56			76								
17	Bd6	ed	37			57			77								
18	Rc1	Be7	38			58			78								
19	Kd2	Bd8	39			59			79								
20	b4	Be3	40			60			80								
SIGNATURE (WHITE) Tong, Yiyi						SIGNATURE (BLACK) Wang, Leyi						SIGNATURE (ARBITER) lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.24

Group

G/4

Round

5

Board

3

WHITE Tong, Yiyi						FED CHN						RESULT (W) 1					
BLACK Wang, Leyi						FED CHN						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d7	21	Ke3	h7	41			61								
2	c4	d6	22	Nh3	h6	42			62								
3	cd	cd	23	Nf4	Bf7	43			63								
4	Bf4	Nd6	24	h5	Ke7	44			64								
5	e3	g6	25	Rhe1	g6	45			65								
6	Bd3	Nd4	26	Nd7	N	46			66								
7	Nc3	Bf4	27	Nh6	Bd5	47			67								
8	f3	Bh5	28	Nh5		48			68								
9	Qb3	Nd5	29			49			69								
10	Qa4	B5	30			50			70								
11	Bh5	g6	31			51			71								
12	Nh5	g7	32			52			72								
13	Nd7	Kd8	33			53			73								
14	Qd7	Nd7	34			54			74								
15	Nd8	Nd4	35			55			75								
16	b3	Nd6	36			56			76								
17	Bd6	ed	37			57			77								
18	Rc1	Be7	38			58			78								
19	Kd2	Bd8	39			59			79								
20	b4	Be3	40			60			80								
SIGNATURE (WHITE) Tong, Yiyi						SIGNATURE (BLACK) Wang, Leyi						SIGNATURE (ARBITER) lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group 6/4
Round 5
Board 4

WHITE						FED		RESULT (W)			
Nguyen Truc Quynh						ViE		1/2			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Khulan Bayarsaikhan						MGL		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5.	21	Nd5.	Qb7.	41	Qf5.	Kg7.	61		
2	Nf3.	d6	22	Qh4	Bd4	42	Qd7	Kg6.	62		
3	Bb5.	Bd7	23	Rd4.	f6.	43	Qd5.	Qb6	63		
4	b7.	Nd7.	24	Qf2.	Re5.	44	Kb2	Qc7	64		
5	O-O.	Nf8.	25	h5.	Rfc8.	45	Kg1.	Qc1.	65		
6	Qe2.	Qc7.	26	Kh2	Ke7.	46	Kf2.	Qc2.	66		
7	c4.	g6.	27	Qe3.	g5	47	Kg3.	Qc7.	67		
8	d4.	c5.	28	Qd3.	Qa7.	48	Kf2.	Qc2.	68		
9	Nd4.	g7.	29	Rd2.	Ng7.	49			69		
10	Nc3.	O-O.	30	Rb4.	Qa5.	50			70		
11	Re3.	fac8.	31	Rd4.	Neb.	51			71		
12	b3.	a6	32	b4.	Qa7.	52			72		
13	Rac1.	Na5	33	Kc.	dc	53			73		
14	R3	Qd7.	34	Ne7.	Nd4.	54			74		
15	Re1.	Ne6	35	Nc8.	Qc7.	55			75		
16	Qe2.	Nd4	36	kg1	Qc8.	56			76		
17	h4	Qc6.	37	Qc3.	Neb.	57			77		
18	Rb3	b5.	38	Rd5	Qa6.	58			78		
19	cb.	ah.	39	Rf5.	Nd4.	59			79		
20	Rcd1.	Nh5.	40	Qc5.	Nf5.	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Khulan.								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08

Group G-14
Round 05
Board 04

WHITE						FED		RESULT (W)			
Nguyen Ngoc Truc Quynh						VIE		1/2			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Khulan Bayarsaikhan						MGL		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 ³⁰	c5 ³⁰	21	Nd5 ⁵⁵	Qb7 ³⁹	41	Qf5 ⁻	Kg7 ⁻	61		
2	Nf3 ²⁹	d6 ³¹	22	Qh4 ⁵³	Bd4 ³⁷	42	Qd7 ²¹	Kg6 ⁻	62		
3	Bb5 ²⁸	Bd7 ⁻	23	Rd4 ⁻	f6 ³⁵	43	Qd5 ¹⁹	Qb6 ⁻	63		
4	Bd7 ²⁶	Nd7 ⁻	24	Qf2 ⁵⁰	Rc5 ²⁸	44	Kf2 ¹⁸	Qc7 ⁻	64		
5	O-O ²⁴	Nf6 ⁻	25	R3 ⁴⁶	Rf8 ²⁷	45	Kg1 ¹⁹	Qc1 ⁻	65		
6	Qe2 ⁻	Qc7 ²⁹	26	Kf2 ⁴⁴	Kf7 ²⁶	46	Kf2 ⁻	Qc2 ¹¹	66		
7	c4 ²¹	g6 ⁻	27	Qe3 ⁴³	g5 ²⁴	47	Kg3 ¹⁸	Qc7 ⁻	67		
8	d4 ¹⁸	cd ⁻	28	Qd3 ⁴⁰	Qa7 ²⁰	48	Kf2 ⁻	Qc2 ⁻	68		
9	Nd4 ⁻	Bg7 ⁻	29	Rd2 ³⁶	Nf7 ¹⁹	49			69		
10	Nc3 ¹⁶	O-O ⁻	30	Rb4 ³⁵	Qa5 ⁻	50			70		
11	Re3 ¹⁴	Rac8 ²⁶	31	Rd4 ²⁸	Ne6 ⁻	51			71		
12	b3 ¹³	ab ⁻	32	b4 ³⁰	Qa7 ¹⁴	52			72		
13	Rac1 ⁴²	Nc5 ¹⁶	33	bc ⁻	dc ¹²	53			73		
14	f3 ⁸	Qd7 ¹⁰	34	Ne7 ²⁶	Nd4 ⁻	54			74		
15	Rf4 ⁶	Ne6 ³	35	Nc8 ⁻	Hc7 ⁻	55			75		
16	Qf2 ⁴	Nd4 ²	36	Kg1 ⁻	Hc8 ¹³	56			76		
17	Bd4 ⁻	Qc6 ⁵⁰	37	Qc3 ²⁴	Ne6 ¹⁰	57			77		
18	Rd3 ⁰	b5 ⁻	38	Rd5 ²³	Qa6 ⁻	58			78		
19	cb ⁵⁹	ab ⁴⁶	39	Rf5 ²¹	Nd4 ⁻	59			79		
20	Rcd1 ⁵⁷	Nf5 ⁴¹	40	Qc5 ²⁰	Nf5 ⁻	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

PM 4:51

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.08.29

Group

G14

Round

5

Board

5

WHITE Gao, Ruoya						FED CHN			RESULT(W) 1		
BLACK Wong, En Ting Alesa						FED SGP			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf3	Rd8	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Rf1	Rd8	42			62		
3	Bb5	Nf6	23	Ne6	Rf7	43			63		
4	d3	db	24	Nc5	Qc8	44			64		
5	O-O	Be7	25	e6	Rf6	45			65		
6	c3	O-O	26	Nd7	Rg6	46			66		
7	h3	ab	27	Qf5	c6	47			67		
8	Ba4	b5	28	Qf7	Kh8	48			68		
9	Bc2	Be6	29	Nb6	Qb8	49			69		
10	d4	ed	30	cl6	Rf8	50			70		
11	cd	ds	31	Qe7	Re6	51			71		
12	e5	Ne4	32	Qe6	Qb6	52			72		
13	Nc3	Bf5	33	Rd2	c5	53			73		
14	Qe1	h3g6	34	Qe7	Rd8	54			74		
15	Ne4	de	35	cl7	Nc6	55			75		
16	Be4	Be4	36	Qe8	Re8	56			76		
17	Qe4	Qd7	37			57			77		
18	d5	Na7	38			58			78		
19	Bb5	f5	39			59			79		
20	Qd3	Bb5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Gao			Alesa			lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

24th Aug

Group

G14

Round

5

Board

5

WHITE Gao, Ruoya						FED CHN			RESULT(W) 1		
BLACK Wong, En Ting Alesa						FED SGP			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf3	Rd8	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Rf1	Rd8	42			62		
3	Bb5	Nf6	23	Ne6	Rf7	43			63		
4	d3	d6	24	Nc5	Qc8	44			64		
5	O-O	Be7	25	e6	Rf6	45			65		
6	c3	O-O	26	Nd7	Rg6	46			66		
7	h3	ab	27	Qf5	c6	47			67		
8	Ba4	b5	28	Qf7	Kh8	48			68		
9	Bc2	Be6	29	Nb6	Qb8	49			69		
10	d4	ed	30	cl6	Rf8	50			70		
11	cd	ds	31	Qe7	Re6	51			71		
12	e5	Ne4	32	Qe6	Qb6	52			72		
13	Nc3	Bf5	33	Rd2	c5	53			73		
14	Qe1	h3g6	34	Qe7	Rd8	54			74		
15	Ne4	de	35	cl7	Nc6	55			75		
16	Be4	Be4	36	Qe8	Re8	56			76		
17	Qe4	Qd7	37			57			77		
18	d5	Na7	38			58			78		
19	Bb5	f5	39			59			79		
20	Qd3	Bb5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Gao			Alesa			lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
24/8/2026Group
G14Round
5Board
6

WHITE Pellet, Yuna						FED JPN			RESULT (W) 0		
BLACK Rosnizam, Izz Zara Aisyah						FED MAS			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rd1	Rh8	41			61		
2	c4	e6	22	Bc2	Rxd1	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Rxd1	Nd3	43			63		
4	Bg5	c6	24	Ke2	Nxb2	44			64		
5	Nf3	h6	25	Qxb2	Bxc3	45			65		
6	Bh4	dxc4	26	Qc1	Rd2	46			66		
7	e4	g5	27	Ke3	Qb6	47			67		
8	Bg3	b5	28	Ke4	Qd4	48			68		
9	a4	Bh4	29			49			69		
10	Bd5	Nbd7	30			50			70		
11	Qc2	Bb7	31			51			71		
12	Bxb6	Nxb6	32			52			72		
13	Rd1	Qa5	33			53			73		
14	axb5	cxb5	34			54			74		
15	Nd2	0-0	35			55			75		
16	e5	Nd5	36			56			76		
17	Re1	Nf4	37			57			77		
18	Nf3	Rxf3	38			58			78		
19	gxf3	Rxd4	39			59			79		
20	h4	gxf4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
24/8Group
G14Round
5Board
6

WHITE Pellet Yuna						FED JPN			RESULT (W) 0		
BLACK Rosnizam, Izz Zara Aisyah						FED MAS			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rd1	Rd8	41			61		
2	c4	e6	22	Be2	Rd1	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Bxd1	Nd3	43			63		
4	Bg5	c6	24	Ke2	Nxb2	44			64		
5	Nf3	h6	25	Qxb2	Bxc3	45			65		
6	Bh4	dxc4	26	Qc1	Rd2	46			66		
7	e4	g5	27	Ke3	Qb6	47			67		
8	Bg3	b5	28	Ke4	Qd4	48			68		
9	a4	Bh4	29			49			69		
10	Bd5	Nbd7	30			50			70		
11	Qc2	Bb7	31			51			71		
12	Bxb6	Nxb6	32			52			72		
13	Rd1	Qa5	33			53			73		
14	axb5	cxb5	34			54			74		
15	Nd2	0-0	35			55			75		
16	e5	Nd5	36			56			76		
17	Re1	Nf4	37			57			77		
18	Nf3	Rxf3	38			58			78		
19	gxf3	Rxd4	39			59			79		
20	h4	gxf4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					